

Phụ lục I

KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2025 - TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
I	Chỉ tiêu về kinh tế			
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (giá so sánh 2010)	%	8,06	
2	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn	%	100,0	
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	15,3	
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	37,6	
	- Dịch vụ	%	39,5	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	7,6	
3	Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người	Triệu đồng	83,9	
4	Số xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	4	
	Lũy kế số xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	41	
5	Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	109,6	
	Giá trị xuất sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	72.900	
6	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	84.500	
7	Giá trị xuất khẩu hàng hóa	Tr.USD	3.120	
8	Số lượt khách du lịch	Lượt khách	10.255.000	
	Doanh thu từ hoạt động du lịch	Tỷ đồng	46.455	
9	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	21.000	
10	Tổng vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	85.000	
11	Tỷ lệ đô thị hóa	%	31,5	
12	Số lượng nhà ở xã hội	Căn hộ	2.286	
13	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	7,48	
II	Chỉ tiêu về xã hội			

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
14	Tuổi thọ trung bình người dân	Tuổi	71,7	
15	Chỉ số hạnh phúc của người dân	%	68,3	
16	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70,0	
	<i>Trong đó tỷ lệ có văn bằng, chứng chỉ</i>	%	36,0	
17	Số lao động được tạo việc làm mới	Lao động	30.000	
18	Giảm tỷ lệ hộ nghèo so với năm trước	%	2,68	
19	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	96,5	
20	Số bác sỹ/mười nghìn dân	Bác sỹ	12,8	
	<i>Số giường bệnh/mười nghìn dân</i>	<i>Giường bệnh</i>	41,1	
III	Chỉ tiêu về môi trường			
21	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	93,0	
22	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	98,0	
23	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý ở khu vực đô thị		95,3	
24	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý ở khu vực nông thôn	%	75,5	
25	Tỷ lệ che phủ rừng	%	61,5	